

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC - TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**



**ĐỀ CƯƠNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**  
**(Dành cho bậc Đại học)**

**HỌC PHẦN: QUẢN TRỊ LOGISTICS KINH DOANH**

**Số tín chỉ: 3 (3,0)**

**Bộ môn: Quản trị kinh doanh**

**Khoa: Quản trị kinh doanh**

**Hung Yên, tháng      năm 2019**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../QĐ-ĐHTCQTKD ngày ...../2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)*

### **1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Quản trị Logistics kinh doanh
- Tên tiếng Anh: Business Logistics Management
- Mã học phần: 003293
- Số tín chỉ: 03 , Số tín chỉ lý thuyết: 03 , Số tín chỉ thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Quản trị học
- Môn học song hành: Quản trị chất lượng, quản trị dự án.

### **2. Đối tượng áp dụng:**

- Môn học bắt buộc cho ngành: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Hệ thống thông tin quản lý.
- Môn học tự chọn cho ngành: Không
- Trình độ: Đại học.
- Hệ đào tạo: Chính quy.

### **3. Nội dung tóm tắt của học phần:**

Quản trị Logistics kinh doanh là môn khoa học kinh tế chuyên ngành nghiên cứu các hoạt động Logistics cơ bản với tư cách là một chức năng quản trị độc lập tại các doanh nghiệp trong cơ chế thị trường. Học phần trang bị các kiến thức cần thiết để xây dựng các mục tiêu, lập kế hoạch, triển khai và kiểm soát các hoạt động logistics một cách hệ thống tại các doanh nghiệp, đồng thời giúp cho các nhà quản trị tại các doanh nghiệp có thể ứng dụng linh hoạt các hoạt động này trong điều kiện môi trường kinh doanh nhiều thay đổi và biến động. Học phần chú trọng vào các hoạt động chức năng và các quy trình tác nghiệp như Quản trị dịch vụ khách hàng, Quản trị dự trữ, Quản trị vận chuyển, Quản trị mua hàng, Quản trị nghiệp vụ kho hàng hóa, Quản trị bao bì và đóng gói, Quản trị hệ thống thông tin hậu cần và xử lý đơn hàng với 2 mục tiêu cơ bản là nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm thiểu chi phí; đồng thời học phần cũng giải quyết các nội dung hoạt động logistics trong sự liên kết với các chức năng quan trọng của doanh nghiệp như marketing, sản xuất và tài chính, góp phần hoàn thiện hệ thống kiến thức quản trị kinh doanh tại các doanh nghiệp Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

#### 4. Mục tiêu của học phần:

##### 4.1. Kiến thức:

Quản trị Logistics kinh doanh là môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để xây dựng các mục tiêu, lập kế hoạch, triển khai và kiểm soát các hoạt động Logistics một cách hệ thống tại các doanh nghiệp, đồng thời giúp cho các nhà quản trị tại các doanh nghiệp có thể ứng dụng linh hoạt các hoạt động này trong điều kiện môi trường kinh doanh nhiều thay đổi và biến động. Học phần cũng giải quyết các nội dung hoạt động Logistics trong sự liên kết với các chức năng quan trọng của doanh nghiệp như marketing, sản xuất và tài chính, góp phần hoàn thiện hệ thống kiến thức quản trị kinh doanh tại các doanh nghiệp Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

##### 4.2. Kỹ năng:

- Kỹ năng cứng: Môn học rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) một cách tối ưu để có thể đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của bản thân và của xã hội một cách tốt nhất.

- Kỹ năng mềm: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng ứng xử và kỹ năng xử lý tình huống.

##### 4.3. Thái độ:

Giúp sinh viên có thái độ yêu thích môn học, kính trọng và noi gương giảng viên dạy môn học, có sự tự tin và hiểu biết về lĩnh vực Quản trị hậu cần làm hành trang bước vào đời, có khả năng cập nhật kiến thức và sáng tạo trong công việc.

#### 5. Chuẩn đầu ra của học phần:

| STT                 | Mã CDR | Nội dung chuẩn đầu ra   | CDR của CTĐT  |
|---------------------|--------|---|---|
| <i>Về kiến thức</i> |        |   |   |
| 1                   | CDR1   | Có kiến thức tổng quát về Logistics, quản trị Logistics trong doanh nghiệp.   | Ngành QTKD: CDR(5)<br>Ngành KDQT: CDR(5)<br>Ngành HTTTQL: CDR(6)                            |
| 2                   | CDR2   | Có kiến thức cần thiết để xây dựng các mục tiêu, lập kế hoạch, triển khai và kiểm soát các hoạt động Logistics một cách hệ thống tại các doanh nghiệp | Ngành QTKD: CDR(7)<br>Ngành KDQT: CDR(6)<br>Ngành HTTTQL: CDR(6),<br>CDR(8)                 |
| 3                   | CDR3   | Có kiến thức chuyên sâu và hiện đại để giải quyết các nội dung hoạt động Logistics trong sự liên kết với các chức năng quan trọng                     | Ngành QTKD: CDR(6), CDR(8)<br>Ngành KDQT: CDR(7), CDR(8)<br>Ngành HTTTQL: CDR(6),<br>CDR(8) |

|   |       |   |   |
|---|-------|---|---|
|   |       | của doanh nghiệp như marketing, sản xuất và tài chính, góp phần hoàn thiện hệ thống kiến thức quản trị kinh doanh tại các doanh nghiệp          |   |
| <b>Về kỹ năng</b>                               |       |   |   |
| 4   | CĐR4  | Kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, dự báo phục vụ cho công tác quản trị Logistics   | Ngành QTKD: CĐR(9)<br>Ngành KDQT: CĐR(10)<br>Ngành HTTTQL: CĐR(9)                           |
| 5   | CĐR5  | Kỹ năng tổ chức bộ máy và tổ chức nhân sự để thực hiện các nhiệm vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ của hoạt động Logistics                       | Ngành QTKD: CĐR(11)<br>Ngành KDQT: CĐR(11)<br>Ngành HTTTQL: CĐR(9),<br>CĐR(12)              |
| 6   | CĐR6  | Kỹ năng tư vấn, tham mưu cho lãnh đạo các biện pháp nâng cao hiệu quả quản trị Logistics trong doanh nghiệp                                     | Ngành QTKD: CĐR(12)<br>Ngành KDQT: CĐR(10)<br>Ngành HTTTQL: CĐR(12)                         |
| 7   | CĐR7  | Có kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm, ...  | Ngành QTKD: CĐR(14)<br>Ngành KDQT: CĐR(16),<br>CĐR(17)<br>Ngành HTTTQL: CĐR(16),<br>CĐR(17) |
| 8   | CĐR8  | Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán,...  | Ngành QTKD: CĐR(15)<br>Ngành KDQT: CĐR(14)<br>Ngành HTTTQL: CĐR(18)                         |
| <b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm (thái độ)</b> |       |   |   |
| 9   | CĐR9  | Năng động, chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và áp dụng sáng tạo trong công việc.                                       | Ngành QTKD: CĐR(19)<br>Ngành KDQT: CĐR(21)<br>Ngành HTTTQL: CĐR(22)                         |
| 10  | CĐR10 | Có trách nhiệm với công việc được giao, chủ động, sáng tạo và có ý thức quan tâm đến sự phát triển nghề nghiệp của bản thân và đơn vị công tác. | Ngành QTKD: CĐR(20)<br>Ngành KDQT: CĐR(22)<br>Ngành HTTTQL: CĐR(23)                         |

## 6. Phương pháp và phương tiện giảng dạy:

### 6.1. Phương pháp giảng dạy:

Diễn giải, phân tích, thuyết trình, đối thoại, phát vấn, thảo luận, tình huống, tự nghiên cứu.

### 6.2. Phương tiện giảng dạy:

- Kịch bản môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo
- Bài giảng lý thuyết, giáo án điện tử

- Máy tính, máy chiếu, phấn bảng, Internet,...

## 7. Thang điểm đánh giá:

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Quản lý đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

## 8. Phương pháp và nội dung đánh giá

(Theo Quy chế đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 212/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 14/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh).

| Loại hình                 | Nội dung đánh giá                   | Mô tả cách thực hiện  | CĐR                                       | Trọng số    |
|---------------------------|-------------------------------------|---|---|-------------|
| <b>Điểm chuyên cần</b>    | Nhận thức, thái độ tham gia lớp học | - Sinh viên đi học đầy đủ:<br>Từ 9 đến 10 điểm<br>- Sinh viên vắng từ 20% trở xuống: Từ 5 đến 8 điểm<br>- Sinh viên vắng trên 20%: không được thi, không chấm điểm<br>Giảng viên kết hợp với thái độ học tập của sinh viên để cho theo khung ở trên | CĐR5,<br>CĐR6,<br>CĐR9,<br>CĐR10          | 10%         |
| <b>Đánh giá quá trình</b> | (1) Kiểm tra thường xuyên           | - Thái độ chủ động, tích cực trong học tập.<br>- Bài kiểm tra<br>- Bài tập nhóm   | CĐR1,<br>CĐR2,<br>CĐR4,<br>CĐR9,<br>CĐR10 | 20%         |
|                           | (2) Kiểm tra giữa kỳ                | - Bài kiểm tra<br>- Bài tập nhóm  | CĐR3,<br>CĐR9,<br>CĐR10                   |             |
| <b>Điểm thi cuối kỳ</b>   | Lý thuyết                           | - Theo hình thức trắc nghiệm<br>- Nhà trường lựa chọn trong ngân hàng đề thi  | CĐR2,<br>CĐR3,<br>CĐR7,<br>CĐR8,<br>CĐR9  | 70%         |
|                           |                                     |   | <b>Tổng:</b>                              | <b>100%</b> |

## 9. Tài liệu học tập và tham khảo:

### 9.1. Tài liệu học tập bắt buộc:

- ThS Trịnh Thị Hồng Thái (chủ biên), Đề cương bài giảng Quản trị Logistics kinh doanh, Trường ĐH tài chính – quản trị kinh doanh, năm 2017.

- ThS Trương Thị Thanh Loan (chủ biên), Câu hỏi và bài tập Quản trị Logistics kinh doanh, Trường ĐH tài chính – quản trị kinh doanh, năm 2018.

### 9.2. Tài liệu tham khảo:

- TS. Nguyễn Thông Thái; PGS.TS An Thị Thanh Nhân, Giáo trình Quản trị Logistics kinh doanh, Trường ĐH Thương Mại, Nhà xuất bản Thống kê Hà Nội, năm 2011.

## 10. Thông tin giảng viên giảng dạy:

### 10.1. Giảng viên 1:

- Họ tên: Trịnh Thị Hồng Thái

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Số điện thoại: 0976968915 Email: trinhhongthaikd@gmail.com

### 10.2. Giảng viên 2:

- Họ tên: Nguyễn Thị Hồng Thúy

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Số điện thoại: 0988685141 Email: hongthuy.ufba@gmail.com

## 11. Nội dung và phân bổ thời gian:

| Nội dung  | Phân bổ thời gian |            |                    |                       | Tổng cộng  |
|---|-------------------|------------|--------------------|-----------------------|------------|
|   | Lý thuyết         | Kiểm tra   | Bài tập, thảo luận | Tự học, tự nghiên cứu |            |
| Chương 1: Tổng quan về quản trị Logistics         | 6                 |            |                    | 12                    | 18         |
| Chương 2: Dịch vụ khách hàng                      | 5                 | 0,5        | 0,5                | 12                    | 18         |
| Chương 3: Quản trị dự trữ hàng hóa                | 9                 | 1          | 2                  | 24                    | 36         |
| Chương 4: Quản trị vận chuyển hàng hóa            | 5                 |            | 1                  | 12                    | 18         |
| Chương 5: Quản trị các hoạt động Logistics hỗ trợ | 6                 | 1          | 2                  | 18                    | 27         |
| Chương 6: Thực thi và kiểm soát Logistics         | 5                 |            | 1                  | 12                    | 18         |
| <b>Tổng cộng</b>                                  | <b>36</b>         | <b>2,5</b> | <b>6,5</b>         | <b>90</b>             | <b>135</b> |

## 12. Lịch trình tổ chức dạy học cụ thể

| Hình thức tổ chức dạy học | Số tiết      | Nội dung chính  | Tài liệu học tập, tham khảo  | Chuẩn đầu ra (HP)                                |
|---------------------------|--------------|---|--|--|
| Chương 1                  | Lý thuyết: 6 | <p><b>Chương 1: Tổng quan về quản trị Logistics</b></p> <p>1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Logistics</p> <p>1.1.1 Quá trình hình thành của Logistics</p> <p>1.1.2 Quá trình phát triển của Logistics</p> <p>1.2 PHÂN LOẠI CÁC HOẠT ĐỘNG LOGISTICS</p> <p>1.2.1 Phân loại theo phạm vi và mức độ quan trọng</p> <p>1.2.2 Phân loại theo vị trí của các bên tham gia</p> <p>1.2.3 Phân loại theo hướng vận động vật chất</p> <p>1.2.4 Phân loại theo quá trình nghiệp vụ</p> <p>1.2.5 Phân loại theo đối tượng hàng hóa</p> <p>1.3 VAI TRÒ VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA LOGISTICS</p> <p>1.3.1 Vai trò của logistics</p> <p>1.3.2 Xu hướng phát triển của logistics</p> <p>1.4 KHÁI NIỆM, MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUẢN TRỊ LOGISTICS KINH DOANH</p> <p>1.4.1 Khái niệm quản trị logistics kinh doanh</p> <p>1.4.2 Mục tiêu quản trị Logistics</p> <p>1.4.3 Nội dung cơ bản của quản trị Logistics kinh doanh</p> | <p>Tài liệu học tập bắt buộc: Chương 1</p> <p>Tài liệu tham khảo số 1: Chương 1</p> <p>Tài liệu tham khảo số 2: Chương 1</p> | <p>CĐR1, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR9, CĐR10,</p>      |
| Chương 2                  | Lý thuyết: 5 | <p><b>Chương 2: Dịch vụ khách hàng</b></p> <p>2.1 KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG</p> <p>2.1.1 Khái niệm dịch vụ khách hàng</p> <p>2.1.2 Phân loại dịch vụ khách hàng</p> <p>2.2 VAI TRÒ CỦA DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG VÀ CÁC CHÍNH SÁCH DỊCH</p>  | <p>Tài liệu học tập bắt buộc: Chương 2</p> <p>Tài liệu tham khảo số 1: Chương 2</p> <p>Tài liệu tham khảo số 2: Chương 3</p> | <p>CĐR2, CĐR3, CĐR5, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9,</p> |

|          |                   |   |  |   |
|----------|-------------------|---|--|---|
|          |                   | <p>VỤ KHÁCH HÀNG</p> <p>2.2.1 Vai trò của dịch vụ khách hàng</p> <p>2.2.2 Các chính sách dịch vụ khách hàng</p> <p>2.3 CÁC CHỈ TIÊU ĐO LƯỜNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG</p> <p>2.4 CÁC PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH MỨC DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG</p> <p>2.4.1 Phương pháp phân tích mối quan hệ chi phí/doanh thu (Xác định mức dịch vụ khách hàng tối ưu)</p> <p>2.4.2 Phương pháp phân tích các phương án chi phí thay thế</p> <p>2.4.3 Phương pháp ưu tiên</p> <p>2.4.4 Phương pháp dựa trên chi phí thiếu hàng dự kiến (phản ứng của khách hàng khi hết hàng trong kho)</p> |  | CDR10   |
|          | Thảo luận:<br>0,5 | Thảo luận theo nhóm về các phương pháp xác định mức dịch vụ khách hàng  |  |   |
|          | Kiểm tra:<br>0,5  | Sinh viên làm bài viết tại lớp. Nội dung kiểm tra do giảng viên quyết định  |  |   |
| Chương 3 | Lý thuyết:<br>9   | <p><b>Chương 3: Quản trị dự trữ hàng hóa</b></p> <p>3.1 KHÁI NIỆM, CHỨC NĂNG CỦA DỰ TRỮ HÀNG HÓA</p> <p>3.1.1 Khái niệm dự trữ hàng hóa</p> <p>3.1.2 Chức năng của dự trữ hàng hóa</p> <p>3.2 PHÂN LOẠI DỰ TRỮ VÀ SẢN PHẨM DỰ TRỮ</p> <p>3.2.1 Phân loại dự trữ</p> <p>3.2.2 Phân loại sản phẩm dự trữ theo quy tắc Pareto</p> <p>3.3 YÊU CẦU CỦA QUẢN TRỊ DỰ TRỮ</p> <p>3.3.1 Yêu cầu về dịch vụ</p> <p>3.3.2 Yêu cầu về chi phí</p> <p>3.4 HỆ THỐNG DỰ TRỮ VÀ CÁC MÔ HÌNH TRONG HỆ THỐNG DỰ TRỮ</p>   | <p>Tài liệu học tập bắt buộc: Chương 3</p> <p>Tài liệu tham khảo số 1: Chương 3</p> <p>Tài liệu tham khảo số 2: Chương 7</p> | CDR2, CDR3, CDR4, CDR6, CDR7, CDR8, CDR9, CDR10 |



|          |                       |  |   |  |
|----------|-----------------------|--|---|--|
|          |                       | 3.4.1 Hệ thống dự trữ<br>3.4.2 Các mô hình trong hệ thống dự trữ   |   |  |
|          | Bài tập, thảo luận: 2 | Làm bài tập và thảo luận về các dạng bài tập trong chương  |   |  |
|          | Kiểm tra: 1           | Sinh viên làm bài viết tại lớp. Nội dung kiểm tra do giảng viên quyết định   |   |  |
| Chương 4 | Lý thuyết: 5          | <p><b>Chương 4: Quản trị vận chuyển hàng hóa</b></p> <p>4.1 KHÁI NIỆM, VAI TRÒ CỦA VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA</p> <p>4.2 MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA</p> <p>4.2.1 Mục tiêu vận chuyển hàng hóa</p> <p>4.2.2 Nguyên tắc vận chuyển hàng hóa</p> <p>4.3 PHÂN LOẠI VÀ CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA</p> <p>4.3.1 Phân loại vận chuyển hàng hóa</p> <p>4.3.2 Các thành phần tham gia vận chuyển hàng hóa</p> <p>4.4 CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CHI PHÍ VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA</p> <p>4.5 QUYẾT ĐỊNH CƠ BẢN TRONG QUẢN TRỊ VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA</p> <p>4.5.1 Quyết định phương thức tổ chức vận chuyển hàng hóa</p> <p>4.5.2 Quyết định người vận chuyển</p> <p>4.5.3 Quyết định phối hợp vận chuyển</p> <p>4.5.4 Quá trình nghiệp vụ vận chuyển</p> <p>4.6 CÁC LOẠI CHỨNG TỪ SỬ DỤNG TRONG CÔNG TÁC VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA</p> <p>4.6.1 Trong vận chuyển nội địa</p> | Tài liệu học tập bắt buộc: Chương 4<br>Tài liệu tham khảo số 1: Chương 4<br>Tài liệu tham khảo số 2: Chương 5, chương 6 | CDR2,<br>CDR3,<br>CDR5,<br>CDR6,<br>CDR7,<br>CDR8,<br>CDR9,<br>CDR10 |

|          |              |   |  |  |
|----------|--------------|---|--|--|
|          |              | 4.6.2 Trong vận chuyển quốc tế (hoạt động xuất nhập khẩu)   |  |  |
|          | Thảo luận: 1 | Thảo luận theo nhóm về các yếu tố tác động đến chi phí vận chuyển hàng hóa  |  |  |
| Chương 5 | Lý thuyết: 6 | <p><b>Chương 5: Quản trị các hoạt động Logistics hỗ trợ</b></p> <p><b>5.1 QUẢN TRỊ MUA HÀNG</b></p> <p>5.1.1 Khái niệm và vai trò của quản trị mua hàng</p> <p>5.1.2 Căn cứ và nguyên tắc mua hàng</p> <p>5.1.3 Nội dung cơ bản của quản trị mua hàng</p> <p><b>5.2 QUẢN TRỊ KHO HÀNG HÓA</b></p> <p>5.2.1 Khái niệm, vai trò và phân loại kho hàng hóa</p> <p>5.2.2 Nguyên tắc quản trị kho hàng hóa</p> <p>5.2.3 Nội dung của quản trị kho hàng hóa</p> <p><b>5.3 QUẢN TRỊ NGHIỆP VỤ BAO BÌ HÀNG HÓA</b></p> <p>5.3.1 Khái niệm, chức năng và yêu cầu đối với bao bì</p> <p>5.3.2 Phân loại bao bì hàng hóa</p> <p>5.3.3 Tiêu chuẩn hóa bao bì</p> <p>5.3.4 Nội dung của quản trị bao bì hàng hóa</p> <p><b>5.4 QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN LOGISTIC</b></p> <p>5.4.1 Khái niệm hệ thống thông tin logistic</p> <p>5.4.2 Chức năng của hệ thống thông tin logistic</p> <p>5.4.3 Dòng thông tin logistics trong doanh nghiệp</p> | <p>Tài liệu học tập bắt buộc: Chương 5</p> <p>Tài liệu tham khảo số 1: Chương 5</p> <p>Tài liệu tham khảo số 2: Chương 4, chương 8</p> | <p>CDR2,<br/>CDR3,<br/>CDR5,<br/>CDR6,<br/>CDR7,<br/>CDR8,<br/>CDR9,<br/>CDR10</p> |

|          |                       |   |  |   |
|----------|-----------------------|---|--|---|
|          | Bài tập, thảo luận: 2 | Làm bài tập và thảo luận về các dạng bài tập trong chương   |  |   |
|          | Kiểm tra: 1           | Sinh viên làm bài viết tại lớp. Nội dung kiểm tra do giảng viên quyết định  |  |   |
| Chương 6 | Lý thuyết: 5          | <b>Chương 6: Thực thi và kiểm soát Logistics</b><br>6.1 THỰC THI LOGISTICS<br>6.2. KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG LOGISTICS<br>6.2.2 Các hệ thống kiểm soát logistics<br>6.2.3 Các chỉ tiêu đo lường kết quả hoạt động Logistics<br>6.3 CÁC LOẠI BÁO CÁO TRONG KIỂM SOÁT LOGISTICS | Tài liệu học tập bắt buộc: Chương 6<br>Tài liệu tham khảo số 1: Chương 6<br>Tài liệu tham khảo số 2: Chương 10 | CĐR2, CĐR3, CĐR5, CĐR6, CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR10 |
|          | Thảo luận: 1          | Thảo luận theo nhóm về các hệ thống kiểm soát logistics   |  |   |

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**